

Số: 97 /2014/QĐ-UBND

Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 03 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3887/TTr-STNMT ngày 18 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, gồm 5 Chương, 27 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Biển và Hải đảo VN;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Thuận;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Báo Ninh Thuận, Đài PT-TH tỉnh;
- VPUB: CVP, PVP, NC, QHXD;
- Công TTĐT, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Hào.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Hòa

QUY ĐỊNH

Về việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác,
sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận
(Ban hành kèm theo Quyết định số 97/2014/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc giao khu vực biển nhất định thuộc địa giới hành chính trên biển của tỉnh Ninh Thuận cho tổ chức, cá nhân để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giao khu vực biển.

2. Quy định này không điều chỉnh việc giao khu vực biển để thăm dò, khai thác dầu khí; khai thác thủy sản; cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản; giao khu vực biển để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Ranh giới, diện tích khu vực biển

1. Ranh giới, diện tích khu vực biển được xác định đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở dự án đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển và quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển.

2. Phương pháp xác định ranh giới, diện tích, khu vực biển thực hiện theo Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về Quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Điều 4. Nguyên tắc giao khu vực biển

1. Bảo đảm sự quản lý tổng hợp, thống nhất, liên ngành, liên vùng; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường biển; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và phát triển bền vững.

2. Bảo đảm lợi ích quốc gia, lợi ích của tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp trong khu vực biển được giao; đảm bảo an ninh, an toàn và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

3. Bảo đảm phù hợp với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng của khu vực biển.

4. Một khu vực biển chỉ được giao cho một tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Căn cứ giao khu vực biển

1. Nhu cầu sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển của tổ chức, cá nhân.

2. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển, việc giao khu vực biển được căn cứ vào quy hoạch ngành, địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quy luật tự nhiên, chức năng sử dụng của khu vực biển và yêu cầu bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

Điều 6. Thời hạn giao khu vực biển

1. Thời gian giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân để khai thác, sử dụng tài nguyên biển được xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở đơn đề nghị giao khu vực biển, dự án đầu tư hoặc phương án khai thác, sử dụng tài nguyên biển, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển, thời hạn được phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thời hạn giao khu vực biển tối đa không quá ba mươi (30) năm, có thể được gia hạn nhiều lần, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá hai mươi (20) năm.

2. Trường hợp thời hạn giao khu vực biển quy định tại Khoản 1 Điều này đã hết, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển vẫn có nhu cầu tiếp tục khai thác, sử dụng tài nguyên biển, được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện và việc sử dụng khu vực biển đã giao vẫn bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển thì quyết định giao khu vực biển được xem xét cấp mới theo quy định của Quy định này.

Điều 7. Quy định về thu tiền sử dụng khu vực biển

1. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

2. Tiền sử dụng khu vực biển được xác định căn cứ vào diện tích khu vực biển được phép sử dụng, thời hạn sử dụng khu vực biển, loại tài nguyên biển được phép khai thác, sử dụng.

3. Phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 8. Những hành vi bị cấm

1. Lợi dụng việc sử dụng khu vực biển gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

2. Thực hiện khai thác, sử dụng tài nguyên biển khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

3. Sử dụng khu vực biển không đúng mục đích; lấn, chiếm biển; hủy hoại môi trường biển.

4. Vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Cản trở hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển; hoạt động giao thông biển, khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện trong khu vực biển được giao và các hoạt động hợp pháp khác trên biển theo định.

6. Cung cấp trái pháp luật thông tin về khu vực biển.

7. Cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình sử dụng khu vực biển.

8. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

GIAO, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN, TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN

Điều 9. Thẩm quyền giao khu vực biển

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao, gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, cho phép trả lại khu vực biển trong phạm vi vùng biển 03 hải lý thuộc địa giới hành chính trên biển của tỉnh Ninh Thuận, trừ các khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường được quy định tại Nghị định 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Điều 10. Giao khu vực biển

1. Việc giao khu vực biển phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị giao;

b) Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển hoặc quy hoạch ngành, địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

2. Việc giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải được thể hiện bằng quyết định giao khu vực biển (được lập theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục của Quy định này).

3. Quyết định giao khu vực biển gồm các nội dung sau đây:

LawSoft
Tel: 84-8-383032

- a) Tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển;
- b) Mục đích sử dụng khu vực biển;
- c) Địa điểm, ranh giới, diện tích khu vực biển; độ sâu được phép sử dụng;
- d) Thời hạn được giao khu vực biển;
- đ) Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển;
- e) Hiệu lực thi hành.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển

1. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển có các quyền sau đây:

- a) Được sử dụng khu vực biển được giao để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- b) Đề nghị gia hạn, trả lại khu vực biển, trả lại một phần diện tích khu vực biển, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển;
- c) Được sử dụng các thông tin, dữ liệu liên quan đến khu vực biển được giao theo quy định của pháp luật;
- d) Được bồi thường, hỗ trợ khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi khu vực biển để sử dụng phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia theo quy định của pháp luật;
- đ) Khiếu nại, khởi kiện quyết định giao khu vực biển, quyết định gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển; quyết định thu hồi khu vực biển;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích quy định tại quyết định giao khu vực biển; không được chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển được giao cho tổ chức, cá nhân khác;
- b) Chỉ được tiến hành hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trong phạm vi khu vực biển được giao;
- c) Thực hiện nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật và các nghĩa vụ về tài chính liên quan đến việc sử dụng khu vực biển theo quy định của Quy định này và quy định của pháp luật khác có liên quan;
- d) Bảo vệ môi trường biển; báo cáo, cung cấp thông tin tình hình sử dụng khu vực biển, khai thác, sử dụng tài nguyên biển trong khu vực biển được giao cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- đ) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển;
- e) Không được cản trở các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển; hoạt động giao thông biển, khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép

thực hiện trong khu vực biển được giao và các hoạt động hợp pháp khác trên biển theo quy định;

g) Không được tiến hành các hoạt động ảnh hưởng đến an ninh, chủ quyền quốc gia trên biển ở khu vực biển được giao;

h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Gia hạn thời hạn giao khu vực biển

1. Việc gia hạn thời hạn giao khu vực biển được xem xét khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gia hạn;

b) Tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển đúng mục đích; thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo quy định của pháp luật;

c) Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn thời hạn giao khu vực biển phải nộp đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Quy định này cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi quyết định giao khu vực biển còn hiệu lực ít nhất là 60 (sáu mươi) ngày.

2. Thời hạn gia hạn quyết định giao khu vực biển được xem xét đối với từng trường hợp cụ thể, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển, thời hạn được phép tiếp tục khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Việc chấp thuận gia hạn được thể hiện bằng việc cấp mới quyết định giao khu vực biển.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển

1. Quyết định giao khu vực biển được sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi tổ chức, cá nhân được phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

b) Thay đổi tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

c) Thay đổi quy mô, diện tích khai thác, sử dụng tài nguyên biển dẫn đến làm thay đổi diện tích khu vực biển được giao.

2. Việc sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển chỉ được xem xét khi đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển đã nộp đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Quy định này cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 2 Điều 11 Quy định này;

- c) Quyết định giao khu vực biển còn hiệu lực.
3. Việc chấp thuận sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển đã cấp được thể hiện bằng việc cấp mới quyết định giao khu vực biển. Thời hạn giao khu vực biển là thời hạn còn lại của quyết định giao trước đó.

Điều 14. Trả lại khu vực biển

1. Tổ chức, cá nhân được trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển được giao khi không có nhu cầu tiếp tục sử dụng.
2. Việc trả lại khu vực biển được cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển chấp thuận theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại toàn bộ khu vực biển, việc chấp thuận trả lại được thể hiện bằng quyết định cho phép trả lại khu vực biển (được lập theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục của Quy định này);
- b) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại một phần khu vực biển, việc chấp thuận trả lại được thể hiện bằng việc cấp mới quyết định giao khu vực biển đối với phần khu vực biển còn lại.

Điều 15. Thủ tục hành chính về giao khu vực biển

1. Trình tự thực hiện:
- a) Bước 1 nộp hồ sơ: tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển nộp 02 bộ hồ sơ cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.
- b) Bước 2 kiểm tra hồ sơ: bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả chuyên Chi cục Biển thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, Chi cục Biển tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.
- c) Bước 3 thẩm định hồ sơ: Chi cục Biển chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa.
- d) Bước 4 trình, giải quyết hồ sơ: Chi cục Biển tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ra quyết định giao khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- đ) Bước 5 thông báo và trả kết quả hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

2. Cách thức thực hiện:

- a) Cách thức nộp hồ sơ: trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.
- b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị giao khu vực biển (được lập theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục của Quy định này);

- Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển trong khu vực biển đề nghị giao của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị giao được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Bản đồ khu vực biển đề nghị giao (được lập theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục của Quy định này).

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

a) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, Chi cục Biển có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ tiếp nhận cho Chi cục Biển ngay trong ngày làm việc, trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ 00 phút thì chuyển ngay trong ngày làm việc tiếp theo).

b) Thời hạn tiến hành thẩm định: không quá bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

c) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:

Thời hạn trình hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.

d) Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực biển được lập theo mẫu 07 Phụ lục của Quy định này.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao khu vực biển.
Mẫu số 05	Ranh giới, tọa độ khu vực biển đề nghị giao khu vực biển.
Mẫu số 06	Bản đồ khu vực biển đề nghị giao khu vực biển.
Mẫu số 07	Quyết định về việc giao khu vực biển.
Mẫu số 08	Ranh giới, tọa độ khu vực biển đề nghị giao khu vực biển (kèm theo Quyết định giao khu vực biển số...../QE-UBND ngày...tháng...năm....của Ủy ban nhân dân tỉnh).
Mẫu số 09	Bản đồ khu vực biển đề nghị giao khu vực biển (kèm theo Quyết định giao khu vực biển số...../QE-UBND ngày...tháng...năm....của Ủy ban nhân dân tỉnh).
Mẫu số 12	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị giao khu vực biển.

Điều 16. Thủ tục hành chính về gia hạn quyết định giao khu vực biển

1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1 nộp hồ sơ: tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Quyết định giao khu vực biển nộp 02 bộ hồ sơ cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Bước 2 kiểm tra hồ sơ: bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả chuyển Chi cục Biển thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, Chi cục Biển tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

c) Bước 3 thẩm định hồ sơ: Chi cục Biển chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa.

d) Bước 4 trình, giải quyết hồ sơ: Chi cục Biển tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ra quyết định gia hạn bằng việc cấp mới Quyết định giao khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

d) Bước 5 thông báo và trả kết quả hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

2. Cách thức thực hiện:

a) Cách thức nộp hồ sơ: trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn quyết định giao khu vực biển (được lập theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục của Quy định này);

- Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;

- Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gia hạn;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy định này đến thời điểm đề nghị gia hạn.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

a) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, Chi cục Biển có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ tiếp nhận cho Chi cục Biển ngay trong ngày làm việc, trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ 00 phút thì chuyển ngay trong ngày làm việc tiếp theo).

b) Thời hạn tiến hành thẩm định: không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

c) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:

Thời hạn trình hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.

d) Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực biển được lập theo mẫu 07 Phụ lục của Quy định này.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 02	Đơn đề nghị gia hạn quyết định giao khu vực biển.
Mẫu số 05	Ranh giới, tọa độ khu vực biển đề nghị gia hạn.
Mẫu số 06	Bản đồ khu vực biển đề nghị gia hạn.
Mẫu số 07	Quyết định về việc giao khu vực biển.
Mẫu số 08	Ranh giới, tọa độ khu vực biển đề nghị gia hạn Quyết định giao khu vực biển kèm theo Quyết định giao khu vực biển số...../QĐ-UBND ngày...tháng...năm...của Ủy ban nhân dân tỉnh.
Mẫu số 09	Bản đồ khu vực biển đề nghị gia hạn Quyết định giao khu vực biển kèm theo Quyết định giao khu vực biển số...../QĐ-UBND ngày...tháng...năm...của Ủy ban nhân dân tỉnh.
Mẫu số 12	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn Quyết định giao khu vực biển.

Điều 17. Thủ tục hành chính về sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển

1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1 nộp hồ sơ: tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển nộp 02 bộ hồ sơ cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Bước 2 kiểm tra hồ sơ: bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả chuyển Chi cục Biển thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, Chi cục Biển tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

c) Bước 3 thẩm định hồ sơ: Chi cục Biển chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa.

d) Bước 4 trình, giải quyết hồ sơ: Chi cục Biển tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ra quyết định sửa đổi, bổ sung bằng việc cấp mới Quyết định giao khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5 thông báo và trả kết quả hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

2. Cách thức thực hiện:

a) Cách thức nộp hồ sơ: trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển (được lập theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục của Quy định này);

- Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;

- Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các trường hợp sau:

+ Thay đổi tổ chức, cá nhân được phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

+ Thay đổi tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

+ Thay đổi quy mô, diện tích khai thác, sử dụng tài nguyên biển dẫn đến làm thay đổi diện tích khu vực biển được giao.

- Bản đồ khu vực biển trong trường hợp có sự thay đổi về ranh giới khu vực biển (được lập theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục của Quy định này);

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy định này tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

a) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, Chi cục Biển có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chuyên toàn bộ hồ sơ tiếp nhận cho Chi cục Biển ngay trong ngày làm việc, trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ 00 phút thì chuyển ngay trong ngày làm việc tiếp theo).

b) Thời hạn tiến hành thẩm định: không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

c) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:

Thời hạn trình hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.

d) Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Cơ quan phối hợp: Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực biển được lập theo mẫu 07 Phụ lục của Quy định này.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 04	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển.
Mẫu số 05	Ranh giới, tọa độ khu vực biển đề nghị tiếp tục sử dụng.
Mẫu số 06	Bản đồ khu vực biển đề nghị tiếp tục sử dụng.
Mẫu số 07	Quyết định về việc giao khu vực biển.
Mẫu số 08	Ranh giới, tọa độ khu vực biển đề nghị tiếp tục sử dụng (kèm theo Quyết định giao khu vực biển số...../QĐ-UBND ngày...tháng....năm....của Ủy ban nhân dân tỉnh).
Mẫu số 09	Bản đồ khu vực biển đề nghị tiếp tục sử dụng (kèm theo Quyết định giao khu vực biển số...../QĐ-UBND ngày...tháng....năm....của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Mẫu số 12	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.
-----------	--

Điều 18. Thủ tục hành chính trả lại khu vực biển

1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1 nộp hồ sơ: tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại khu vực biển nộp 02 bộ hồ sơ cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Bước 2 kiểm tra hồ sơ: bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả chuyên Chi cục Biển thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, Chi cục Biển tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề bổ sung, hoàn thiện.

c) Bước 3 thẩm định hồ sơ: Chi cục Biển chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa.

d) Bước 4 trình, giải quyết hồ sơ: Chi cục Biển tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ra quyết định cho phép trả lại khu vực biển trong trường hợp trả lại toàn bộ khu vực biển hoặc bằng việc cấp mới Quyết định giao khu vực biển trong trường hợp trả lại một phần khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5 thông báo và trả kết quả hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị trả lại khu vực biển (được lập theo Mẫu số 03 quy định tại Quy định này);

- Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;

- Bản đồ khu vực biển thể hiện khu vực biển tiếp tục sử dụng trong trường hợp trả lại một phần khu vực biển (được lập theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục của Quy định này);

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy định này tính đến thời điểm trả lại.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

a) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, Chi cục Biển có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ tiếp nhận cho Chi cục Biển ngay trong ngày làm việc, trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ 00 phút thì chuyển ngay trong ngày làm việc tiếp theo).

b) Thời hạn tiến hành thẩm định: không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày r: văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

c) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:

Thời hạn trình hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.

d) Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trả lại khu vực biển trong trường hợp trả lại toàn bộ khu vực biển (được lập theo mẫu số 10 quy định tại Phụ lục của Quy định này) hoặc Quyết định giao khu vực biển trong trường hợp trả lại một phần khu vực biển (được lập theo mẫu 07 quy định tại Phụ lục của Quy định này).

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Đơn đề nghị trả lại khu vực biển (trả lại một phần khu vực biển).
Mẫu số 05	Ranh giới, tọa độ khu vực biển đề nghị trả lại.
Mẫu số 06	Bản đồ khu vực biển đề nghị trả lại.
Mẫu số 07	Quyết định về việc giao khu vực biển (trong trường hợp trả lại một phần khu vực biển).
Mẫu số 08	Ranh giới, tọa độ khu vực biển đề nghị trả lại (kèm theo Quyết định giao khu vực biển số...../QĐ-UBND ngày...tháng....năm....của Ủy ban nhân dân tỉnh).
Mẫu số 09	Bản đồ khu vực biển đề nghị trả lại hoặc tiếp tục sử dụng (kèm theo Quyết định giao khu vực biển số...../QĐ-UBND ngày...tháng....năm....của Ủy ban nhân dân tỉnh).
Mẫu số 10	Quyết định về việc cho phép trả lại khu vực biển.
Mẫu số 12	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển.

Chương III THU HỒI KHU VỰC BIỂN, CHẤM DỨT HIỆU LỰC QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN

Điều 19. Thu hồi khu vực biển

Khu vực biển bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển lợi dụng việc sử dụng khu vực biển gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia;
2. Khu vực biển đã giao được sử dụng để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia theo quy định của pháp luật;
3. Tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển trái quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
4. Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển bị thu hồi hoặc sau 12 tháng, kể từ ngày được giao khu vực biển mà tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển không triển khai hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Thủ tục hành chính thu hồi khu vực biển

1. Trình tự thực hiện:

a) Việc thu hồi khu vực biển theo quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP được thực hiện theo trình tự như sau:

- Bước 1 nộp hồ sơ: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi kết luận về việc tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển vi phạm một trong các quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2 kiểm tra, thẩm tra hồ sơ: bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả chuyển Chi cục Biển thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Chi cục Biển chịu trách nhiệm thực hiện kiểm tra, thẩm tra hồ sơ, xác minh thực địa khi cần thiết.

- Bước 3 trình, giải quyết hồ sơ: Chi cục Biển tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thu hồi khu vực biển.

- Bước 4 thông báo và trả kết quả hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi cho tổ chức, cá nhân và thông báo việc thu hồi đến các cơ quan có liên quan.

b) Việc thu hồi khu vực biển theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP được thực hiện theo trình tự như sau:

- Bước 1 nộp hồ sơ: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi quyết định sử dụng khu vực biển đã giao để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2 trình, giải quyết hồ sơ: bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả chuyển Chi cục Biển thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Chi cục Biển chịu trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thu hồi khu vực biển.

- Bước 3 thông báo và trả kết quả hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi cho tổ chức, cá nhân và thông báo việc thu hồi đến các cơ quan có liên quan.

2. Cách thức thực hiện:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi kết luận về việc tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển vi phạm một trong các quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP; hoặc quyết định sử dụng khu vực biển đã giao để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia về Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả).

b) Cách thức thông báo và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi quyết định thu hồi cho tổ chức, cá nhân và thông báo việc thu hồi đến các cơ quan có liên quan.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

✓

Kết luận về việc tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển vi phạm một trong các quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP; hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sử dụng khu vực biển đã giao cho tổ chức, cá nhân để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

a) Thời hạn kiểm tra, thẩm tra hồ sơ:

Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển vi phạm một trong các quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP; không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định sử dụng khu vực biển đã giao để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia. Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thu hồi khu vực biển.

b) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

Không quá 10 ngày, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.

c) Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan nhà nước.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cơ quan được uỷ quyền thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

d) Cơ quan phối hợp: Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan.

đ) Cơ quan phối hợp: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận về việc tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển vi phạm một trong các quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP; hoặc quyết định sử dụng khu vực biển đã giao để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định thu hồi khu vực biển được lập theo mẫu 11 quy định tại Phụ lục của Quy định này.

8. Phí, lệ phí: không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 11	Quyết định về việc thu hồi khu vực biển của UBND tỉnh.

Điều 21. Hỗ trợ, bồi thường khi thu hồi khu vực biển

Trường hợp khu vực biển bị thu hồi theo quy định tại Khoản 2 Điều 19, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển được hỗ trợ, bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Chấm dứt hiệu lực quyết định giao khu vực biển

1. Quyết định giao khu vực biển chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Khu vực biển bị thu hồi;
- b) Quyết định giao khu vực biển hết hạn;
- c) Khu vực biển được cho phép trả lại;
- d) Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.

2. Khi quyết định giao khu vực biển bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển có trách nhiệm xử lý các công trình, thiết bị khai thác, sử dụng tài nguyên biển và cải tạo, phục hồi môi trường trong khu vực biển được giao theo quy định của pháp luật chuyên ngành và báo cáo kết quả thực hiện cho cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển để kiểm tra kết quả thực hiện.

Chương IV

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG VIỆC GIAO, GIA HẠN,
THU HỒI, CHO PHÉP TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH
GIAO KHU VỰC BIỂN**

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận thực hiện quản lý tổng hợp, thống nhất việc giao các khu vực biển cho tổ chức, cá nhân để khai thác sử dụng tài nguyên biển.

2. Thực hiện các trình tự, thủ tục hành chính về việc giao, gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển theo đúng quy định tại Quy định này; phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các cơ quan khác có liên quan trong quá trình thực hiện.

3. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, dữ liệu về giao, sử dụng khu vực biển trên phạm vi toàn tỉnh.

4. Thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về giao, sử dụng khu vực biển tại địa phương; giải quyết các tranh chấp về sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

5. Tổng hợp, đánh giá tình hình giao, sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ 6 tháng và hàng năm.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ven biển

1. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan trong việc giao, gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển cho các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình.

2. Thống kê, tổng hợp, đánh giá tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên biển của tổ chức, cá nhân tại địa bàn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ 6 tháng và hàng năm.

3. Phối hợp thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển trên địa bàn; phối hợp với các Sở, ban ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết tranh chấp về sử dụng khu vực biển.

Điều 25. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép đầu tư, khai thác, sử dụng tài nguyên biển khi cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển có trách nhiệm lấy ý kiến và thống nhất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển về tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển nơi dự kiến khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh có trách nhiệm cung cấp hải đồ quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định này cho Sở Tài nguyên và Môi trường để phục vụ công tác giao khu vực biển và quản lý việc sử dụng khu vực biển của các tổ chức, cá nhân.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Xử lý chuyển tiếp

1. Khu vực biển đang được tổ chức, cá nhân sử dụng để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành, nếu phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển thì được tiếp tục sử dụng khu vực biển đó đến hết thời hạn giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển quy định tại Khoản 1 Điều này phải gửi báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển kèm theo bản đồ khu vực biển đang sử dụng cho Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước

có thẩm quyền giao khu vực biển để xem xét, công nhận. Việc công nhận được thể hiện bằng quyết định giao khu vực biển.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan, thực hiện công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định; tiến hành giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy định này đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các Sở, Ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, kiến nghị trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Xuân Hòa

PHỤ LỤC
MẪU CÁC VĂN BẢN TRONG HỒ SƠ GIAO, GIA HẠN, THU HỒI,
BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 97/2014/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

1. Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) (nếu có).

Đề nghị được giao khu vực biển tại xã/phường/thị trấn....., huyện, tỉnh Ninh Thuận.

Mục đích sử dụng: (loại hình hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển).....

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng là: (ha, km²), độ sâu đề nghị được sử dụng là:.....(m), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ thể hiện trong Phụ lục kèm theo (Mẫu số 05) và được thể hiện trên Bản đồ khu vực biển theo (Mẫu số 06).

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển(tháng/năm).

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

2. Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Được phép sử dụng khu vực biển tại xã/phường/thị trấn..., huyện ..., tỉnh Ninh Thuận theo Quyết định giao khu vực biển số ... ngày/tháng/năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Đề nghị được gia hạn Quyết định khu vực biển, thời gian gia hạn(tháng/năm).

Mục đích sử dụng khu vực biển: (loại hình hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển).....

Khu vực biển có diện tích là: ... (ha, km²), độ sâu đề nghị được sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ thể hiện trong Phụ lục kèm theo (Mẫu số 05) và được thể hiện trên Bản đồ khu vực biển theo (Mẫu số 06).

Lý do đề nghị gia hạn

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

✓

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

3. Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN
(HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN KHU VỰC BIỂN)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax:

Đề nghị được trả lại khu vực biển (hoặc một phần diện tích khu vực biển) theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày/tháng/năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao quyền sử dụng khu vực biển tại khu vực... thuộc xã/phường/thị trấn..., huyện..... tỉnh Ninh Thuận.

Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực biển cần nêu rõ các nội dung sau:

- Phần khu vực biển đề nghị trả lại có diện tích là: ... (ha, km²), độ sâu được phép sử dụng là: ...(m)

- Phần khu vực biển tiếp tục sử dụng có diện tích là: ... (ha, km²), độ sâu đề nghị sử dụng là: ...(m)

Phần khu vực biển đề nghị trả lại và phần khu vực biển đề nghị tiếp tục sử dụng được giới hạn bởi các điểm gốc... có tọa độ thể hiện trong Phụ lục kèm theo (Mẫu số 05) và được thể hiện trên Bản đồ khu vực biển theo (Mẫu số 06).

Lý do đề nghị trả lại

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

✓

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

4. Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển số ... ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao khu vực biển tại khu vực... thuộc xã/phường/thị trấn..., huyện..., tỉnh

Lý do xin đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

.....
(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

✓

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

5. Mẫu số 05

(Tên cơ quan đề nghị
giao/trả lại hoặc tiếp tục sử
dụng Khu vực biên)

**TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC CỦA KHU VỰC BIÊN
ĐỀ NGHỊ GIAO, TRẢ LẠI HOẶC TIẾP TỤC SỬ DỤNG**

Đề (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển...)

Địa điểm: Tại khu vực ..., xã/phường/thị trấn....., huyện, tỉnh

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	X	Y
	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(m)	(m)
1				
2				
...				
n				

(Ghi chú: Việc xác định giá trị Vĩ độ, Kinh độ chỉ tính đến 1/10 của giây;
Việc xác định giá trị tọa độ vuông góc chỉ tính đến đơn vị mét)

- Diện tích của khu vực biên:(ha, km²).
- Độ sâu đề nghị được sử dụng là:(m).

6. Mẫu số 06

(Tên cơ quan đề nghị giao/trả lại hoặc tiếp tục sử dụng
Khu vực biển)

**BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN
ĐỀ NGHỊ GIAO, TRẢ LẠI HOẶC TIẾP TỤC SỬ DỤNG**

Đề (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển...) tại khu vực biển....., xã....., huyện....., tỉnh.....

Tọa độ các điểm góc

Điểm góc	Hệ VN 2000			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Vĩ độ	Kinh độ	X(m)	Y(m)
1				
2				
...				
n				

Khung tọa độ

Mặt cắt ngang

Ranh giới khu vực biển

Mặt cắt đứng

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ hải đồ tỷ lệ ...
kính tuyến trực...mũi chiếu...
số hiệu..."

Tên đơn vị tư vấn lập bản đồ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

CHỈ DẪN

- Mặt biển
- Độ sâu Khu vực biển
- Đáy biển
- Độ sâu lòng đất dưới đáy biển

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển tối thiểu phải thể hiện các thông tin cơ bản sau:

- Ranh giới, diện tích khu vực biển,
- độ sâu khu vực biển đề nghị sử dụng
- Vị trí, hình dáng các công trình, thiết bị;

7. Mẫu số 07

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Quyết định/Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp ngày.../.../.....

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị giao quyền sử dụng khu vực biển ngày .../.../.....của (tên tổ chức, cá nhân) nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận tại tờ trình số.../Tr-STNMT ngày.../.../.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho (tên tổ chức, cá nhân)

Mục đích sử dụng khu vực biển: (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển).....

Địa điểm khu vực biển: xã/phường quận/huyện tỉnh Ninh Thuận.

Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích là: ... (ha, km²), độ sâu được phép sử dụng là: ...(m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trong Phụ lục kèm theo (Mẫu số 08) và được thể hiện trên Bản đồ khu vực biển theo (Mẫu số 09).

Thời hạn sử dụng khu vực biển đến ngày .../.../....., kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Tiền sử dụng khu vực biển: đồng

(Số tiền bằng chữ:.....)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp tiền sử dụng khu vực biển.
2. Tiến hành sử dụng khu vực biển theo đúng tọa độ, phạm vi ranh giới.
3. Sử dụng khu vực biển đúng mục đích quy định tại Điều 1 của Quyết định này.
4. Trước khi tiến hành sử dụng khu vực biển phải báo cáo (UBND tỉnh/Sở Tài nguyên và Môi trường) kiểm tra thực địa tại khu vực biển được sử dụng.
5. Báo cáo, cung cấp thông tin tình hình sử dụng khu vực biển cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường biển, phục hồi, cải thiện môi trường biển khi thời hạn sử dụng khu vực biển hết hiệu lực.
7. Không cản trở các hoạt động khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện trong khu vực biển được giao và các hoạt động hợp pháp khác trên biển theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

8. Mẫu số 08

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

**TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC CỦA KHU VỰC BIỂN
GIAO CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Đề (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển...)

Tại khu vực, xã, huyện, tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định giao khu vực biển số... /QĐ- UBND
ngày.... tháng... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	X	Y
	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(m)	(m)
1				
2				
...				
n				

(Ghi chú: Việc xác định giá trị Vĩ độ, Kinh độ chỉ tính đến 1/10 của giây;
Việc xác định giá trị tọa độ vuông góc chỉ tính đến đơn vị mét)

- Diện tích của khu vực biển:(ha, km²).
- Độ sâu được phép sử dụng là: (m).

✓

9. Mẫu số 09

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN
GIAO CHO TÒ CHỨC, CÁ NHÂN**

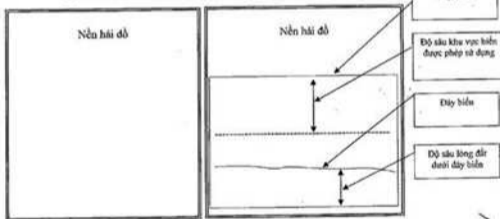
CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm góc

Điểm góc	Hệ VN 2000			
	Tọa độ địa lý		Tọa độ vuông góc	
	Vĩ độ	Kinh độ	X(m)	Y(m)
1				
2				
...				
n				

Để (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển...) tại khu vực biển.....
 xã....., huyện....., tỉnh.....
 (Kèm theo Quyết định giao khu vực biển số...../QĐ-UBND
 ngày...tháng...năm...của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Khung tọa độ



"Được trích lục từ tờ...hải đồ tỷ lệ...
 kinh tuyến trục...múi chiếu...số hiệu..."

Tỷ lệ.....

10. Mẫu số 10

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép trả lại khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển của (Tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận tại tờ trình số.../TTr-STNMT ngày/tháng/năm.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được trả lại khu vực biển theo Quyết định giao khu vực biển số ... /QĐ-UBND ngày .../.../... của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên tổ chức, cá nhân) phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi môi trường biển tại khu vực biển đã được giao sử dụng và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu: HS, VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

11. Mẫu số 11

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận tại tờ trình số.../TTr-STNMT ngày.../.../..... về việc.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi khu vực biển được giao cho tổ chức, cá nhân (tên tổ chức, cá nhân) theo Quyết định giao khu vực biển số.../QĐ-UBND ngày.../.../... của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Lý do thu hồi:

Điều 3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên tổ chức, cá nhân) phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải tạo, phục hồi môi trường biển tại khu vực biển đã được giao và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu: HS, VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

✓

12. Mẫu số 12

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ. CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 _____ ngày _____ / _____ / _____

**PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ
 ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN**

Sở Tài nguyên và Môi trường đã nhận của ông (bà, tổ chức):

Tên/loại hồ sơ:

Loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển:

Địa điểm khu vực biển:

Gồm các loại giấy tờ sau:

.....

Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ:

Người nộp
hồ sơ
(Ký, họ tên)

Chuyên viên
tiếp nhận hồ sơ
(Ký, họ tên)

TL. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC BIỂN
(Ký tên, đóng dấu)



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ. CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 _____ ngày _____ / _____ / _____

**PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ
 ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN**

Sở Tài nguyên và Môi trường đã nhận của ông (bà, tổ chức):

Tên/loại hồ sơ:

Loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển:

Địa điểm khu vực biển:

Gồm các loại giấy tờ sau:

.....

Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ:

Người nộp
hồ sơ
(Ký, họ tên)

Chuyên viên
tiếp nhận hồ sơ
(Ký, họ tên)

TL. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC BIỂN
(Ký tên, đóng dấu)